

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-5-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Ông M Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2021 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Đường Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn – Bà Bùi Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đường Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn. Đến ngày 03/9/2018, bà và ông T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Vợ chồng bà thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Nay, bà xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên xin ly hôn với ông Đường Văn T.

- Về con chung: Bà M, ông T không có con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Đường Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị M; về con chung: Bà M khai không có nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có; về án phí: Bà M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đường Văn T hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng cho bà M và ông T. Tuy nhiên, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị M và ông Đường Văn T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày 03/9/2018 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện

nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà M là có cơ sở chấp nhận vì:

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Thực tế, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Bà M và ông T đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Bà M nhận thấy cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà M và ông T không đạt được, nên căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho bà M được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà M khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà M khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Bùi Thị M phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 8, 9, 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị M được ly hôn với ông Đường Văn T.
2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0007988 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bà Bùi Thị M, ông Đường Văn T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Duyên

Hội thẩm nhân dân
tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên